

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2019/KDTM-ST

Ngày: 10-9-2019

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu

2. Bà Trần Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST – KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2019/QĐXXST – KDTM ngày 15/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2019/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng công ty Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: 35 Tôn Đức Thắng, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Anh T, sinh năm: 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: D15/10C đường T, ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty Đ (Theo văn bản ủy quyền số 1968/UQ-PCBC ngày 07/9/2018 của Tổng công ty Đ).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G.

Trụ sở: 6A76/1 ấp 6, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Huỳnh X, sinh năm: 1972 – Chức vụ: Giám đốc Công ty (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 111 đường D5, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Tổng công ty Đ có ông Phạm Anh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/3/2017, Tổng công ty Đ (gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G (gọi tắt là Công ty G) thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế số 17/000796 ngày 08/3/2017, về việc Công ty Đ bán điện năng cho Công ty G để sản xuất phẩm nhựa, với thời hạn là 05 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng cho đến ngày 08/3/2022. Hình thức thanh toán là Công ty G nộp tiền vào tài khoản của Công ty Đ, thu qua tin nhắn SMS. Thời hạn thanh toán là 07 ngày kể từ ngày Công ty Đ thông báo thanh toán lần đầu qua hệ thống tin nhắn SMS.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền điện được quy định trong hợp đồng mua bán điện. Đến nay, Công ty G còn nợ số tiền điện của Công ty Đ như sau:

- Từ ngày 23/5/2018 đến ngày 22/6/2018 nợ số tiền là: 32.308.254 đồng.
- Từ ngày 23/6/2018 đến ngày 22/7/2018 nợ số tiền là: 16.935.749 đồng.
- Từ ngày 23/7/2018 đến ngày 08/8/2018 nợ số tiền là: 297.453 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty G còn nợ Công ty Đ là 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng). Công ty Đ đã nhiều lần gửi Giấy báo tiền điện và thông báo thanh toán tiền điện; đồng thời thực hiện việc tạm ngừng cung cấp điện tại địa chỉ sử dụng điện của Công ty G để yêu cầu Công ty G thanh toán số tiền điện còn nợ là 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng) nhưng đến nay Công ty G vẫn chưa thanh toán.

Do Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng nên Công ty Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty G thanh toán cho Công ty Đ số tiền là 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty G thanh toán số tiền 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng) cho Công ty Đ. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty G có ông Huỳnh Xuân là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại các phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

Nguyên đơn Công ty Đ khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty G thanh toán tiền mua điện để phục vụ cho việc sản xuất phẩm nhựa nên đây là vụ án dân sự tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Do bị đơn Công ty G có trụ sở tại 6A76/1 ấp 6, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

Bị đơn Công ty G có ông Huỳnh Xuân là người đại diện theo pháp luật của công ty đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty G, ông Huỳnh Xuân.

Do Hợp đồng kinh tế số 17/000796 ký kết ngày 08/3/2017 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn Công ty Đ yêu cầu bị đơn Công ty G thanh toán số tiền là 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tính pháp lý của hợp đồng: Hợp đồng kinh tế số 17/000796 ký ngày 08/3/2017 có nội dung và hình thức phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại nên có giá trị pháp lý, phát sinh hiệu lực. Theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: *“Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, ...Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.”* Như vậy, Hợp đồng kinh tế trên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết và là căn cứ để Tòa án giải quyết tranh chấp.

Về tiền nợ gốc: Nguyên đơn Công ty Đ yêu cầu bị đơn Công ty G thanh toán tiền hàng còn nợ là 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng) theo Hợp đồng kinh tế số 17/000796 ký ngày 08/3/2017.

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 17/000796 ngày 08/3/2017 thể hiện Công ty Đ bán điện cho Công ty G với thời hạn 05 năm kể từ ngày 08/3/2017 đến ngày 08/3/2022 nhằm mục đích sản xuất sản phẩm nhựa; với giá điện cụ thể như sau: (Chưa có thuế VAT).

- Giờ bình thường là: 1.518 đồng/kWh.
- Giờ cao điểm là: 2.735 đồng/kWh.
- Giờ thấp điểm là: 983 đồng/kWh.

Căn cứ Giấy báo tiền điện đợt 1, tháng 6 năm 2018, kỳ 7/2018 từ ngày 23/5/2018 đến ngày 22/6/2018 thể hiện Công ty G còn nợ Công ty Đ số tiền mua điện là 32.308.354 đồng.

Căn cứ Giấy báo tiền điện đợt 1, tháng 7 năm 2018, kỳ 8/2018 từ ngày 23/6/2018 đến ngày 22/7/2018 thể hiện Công ty G còn nợ Công ty Đ số tiền mua điện là 16.935.749 đồng.

Căn cứ Giấy báo tiền điện đợt 1, tháng 8 năm 2018, kỳ 9/2018 từ ngày 23/7/2018 đến ngày 08/8/2018 thể hiện Công ty G còn nợ Công ty Đ số tiền mua điện là 297.453 đồng.

Căn cứ vào Thông báo thanh toán tiền điện ngày 20/8/2018 thể hiện Công ty G còn nợ Công ty Đ số tiền là 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng).

Căn cứ phần trình bày của nguyên đơn và chứng cứ phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định từ khi có Giấy báo tiền điện và Thông báo thanh toán tiền điện cho đến nay Công ty G vẫn chưa thanh toán cho Công ty Đ tiền mua hàng là 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng) theo Hợp đồng kinh tế số 17/000796 ngày 08/3/2017. Như vậy, Công ty G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Khoản 4 Điều 1 Hợp đồng kinh tế số 17/000796 ngày 08/3/2017 và Khoản 1 Điều 50 Luật Thương Mại.

Do đó, căn cứ Khoản 5 Điều 297 Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ về việc buộc bị đơn Công ty G phải có trách nhiệm thanh toán tiền hàng còn nợ 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng), là phù hợp.

[4] *Về tiền lãi*: Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 17/000796 ngày 08/3/2017 thì giữa Công ty Đ và Công ty G không có thỏa thuận về lãi suất và nguyên đơn Công ty Đ không yêu cầu lãi suất chậm trả và phí tạm ngừng cung cấp điện nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] *Về thời hạn thanh toán* : Do bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán, kéo dài thời gian thanh toán, vì vậy quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ buộc bị đơn Công ty G phải thanh toán số tiền 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng), ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Công ty G đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn vẫn không có mặt, không đưa ra tài liệu chứng cứ gì bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định, thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty Đ được chấp nhận nên bị đơn Công ty G phải chịu số tiền là 2.462.202 đồng.

[8] Hoàn số tiền tạm ứng án phí cho Công ty Đ số tiền 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006784 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 50, Khoản 5 Điều 297 Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Tổng công ty Đ:

1.1. Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G phải thanh toán cho Tổng công ty Đ số tiền 49.244.033 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng);

Trả làm một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Trong trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G phải chịu số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Tổng công ty Đ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006784 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Tổng công ty Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu G có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS.HBC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Sơn